

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28/03/2017

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông K' Tim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung

2. Bà Trần Thị Phúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước, Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2016/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2016 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 03 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ka S

Địa chỉ: Số aa, tổ 1, thôn 3, xã TT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Anh K' B

Địa chỉ: Số BB, tổ 3, thôn 3, xã TT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn xin ly hôn, tự khai, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, chị Ka S trình bày: Tôi và anh K' B đăng ký kết hôn vào ngày 18/06/2010, tại UBND xã TT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên vọng của tôi xin được ly hôn với anh K' B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên K' SO, sinh ngày 19/12/2009, hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường, tôi đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi xin

được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh K' B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản nợ chung và cho vay chung không có; Tài sản riêng mỗi người đã tự quản lý. Khi ly hôn không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con (bản sao chứng thực).

* Theo bản tự khai, lời trình bày của anh K' B: Qua lời trình bày của chị Ka S về quan hệ hôn nhân là đúng. Vợ chồng kết hôn vào tháng 06/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị Ka S xin ly hôn tôi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Ka S làm đơn xin ly hôn tôi, tôi không đồng ý đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi về đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên K' SO, sinh ngày 19/12/2009, hiện nay cháu khoẻ mạnh bình thường, đang ở với bà Sam nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Sam xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng tôi không đồng ý. Vì tôi không muốn ly hôn, nếu Ka S cương quyết ly hôn thì tôi xin được nuôi con và không yêu cầu Ka S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản nợ chung và cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka S và anh K' B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/06/2010, tại UBND xã TT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ka S và anh K' B đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chị Ka S được ly hôn với anh K' B là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên K' SO, sinh ngày 19/12/2009, hiện nay cháu khoẻ mạnh bình thường, chị Ka S đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Ka S xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh K' B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng, anh K' B không đồng ý, nếu chị Ka S cương quyết ly hôn, anh K' B xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Ka S cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay cháu K' SO đang ở với chị Ka S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Ka S đang sống chung với gia đình bố mẹ đẻ phụ giúp gia đình làm vườn chăm sóc cà phê công việc ổn định. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cũng cần xác định cho các đương sự thấy rõ việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Nhằm đảm bảo sự phát triển về thể chất cũng như là trí tuệ của con còn nhỏ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung tên K' SO, sinh ngày 19/12/2009 cho chị Ka S trực tiếp nuôi dưỡng, anh K' B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 03/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về phần tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản nợ chung và cho vay không có; Tài sản riêng mỗi người đã tự quản lý. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ka S chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, anh K' B phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 55 và 56; Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka S được ly hôn với anh K' B.

2. Về con chung: Giao con chung tên K' SO, sinh ngày 19/12/2009, cho chị Ka S trực tiếp nuôi dưỡng, anh K' B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 03/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi việc nuôi con được thực hiện theo luật hôn nhân và gia đình.

“ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

3.Về án phí: Chị Ka S chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền đã tạm nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0004127 ngày 02/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh (*Đã nộp đủ*). Anh K' B phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LD (2);
- VKSND huyện (2);
- Các đương sự (2)(để thi hành);
- Lưu hồ sơ; án văn (1);
- Cơ quan THA dân sự (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

K' Tì